

Court of Washington, County of \_\_\_\_\_  
Tòa Án Washington, Quận \_\_\_\_\_

Petitioner  
Nguyễn Đơn

DOB  
Ngày Sinh

vs.  
kiện

Respondent  
Bị Đơn

DOB  
Ngày Sinh

No.  
Số

Extreme Risk Protection Order  
Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ

(XRPO)  
(XRPO)

[ ] Renewal (ORRXRPO)  
Gia Hạn (ORRXRPO)

Compliance Hearing Date/Time:  
Ngày/Giờ Phiên Xét Xử Tiếp Theo:

See **How to Attend**, section 10  
Xem **Cách Thức Tham Dự**, mục 10

Clerk's Action Required: **6, 7, 8, 9**  
Việc Lục Sự Cần Làm: **6, 7, 8, 9**

**Extreme Risk Protection Order**  
**Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ**

**Warning to Respondent!** You are prohibited from having a firearm in your custody or control, or from purchasing, accessing, possessing, or receiving, or attempting to purchase or receive any firearm or a concealed pistol license. You must surrender any and all firearms including but not limited to firearms as described below. Under RCW 7.105.460(2), if you violate this order, you may be charged with a crime and you may not be able to have a firearm for at least 5 more years after this order expires.

**Cảnh Báo Bị Đơn!** Quý vị bị nghiêm cấm quản lý hoặc kiểm soát súng hoặc mua, tiếp cận, sở hữu, nhận hoặc cố mua hoặc nhận bất kỳ súng nào hoặc giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín. Quý vị phải giao nộp bất kỳ và tất cả các súng bao gồm nhưng không giới hạn ở các súng được quy định dưới đây. Theo RCW 7.105.460(2), nếu quý vị vi phạm lệnh này, quý vị có thể bị buộc tội và có thể không có khả năng có súng trong ít nhất 5 năm nữa sau khi lệnh này hết hạn.

**You have the sole responsibility to not violate this order. Only the court may change this order and only after written application.**

**Quý vị có trách nhiệm duy nhất là không vi phạm lệnh này. Chỉ có tòa án mới có thể thay đổi lệnh và chỉ sau đơn xin bằng văn bản.**

**Respondent's Distinguishing Features:**  
**Đặc Điểm Nổi Bật Của Bị Đơn:**

---

---

---

---

**Respondent Identifiers**  
**Danh Tính Của Bị Đơn**

Sex Giới Tính	Race Chủng Tộc	Hair Tóc
Height Chiều Cao	Weight Cân Nặng	Eyes Mắt

**This 1-year order expires on date: \_\_\_\_\_ time: \_\_\_\_\_ a.m./p.m.**  
**Lệnh có hiệu lực 1 năm này sẽ hết hạn vào ngày: \_\_\_\_\_ giờ: \_\_\_\_\_ a.m./p.m.**

**Respondent:** You must immediately surrender all firearms and any concealed pistol licenses listed below. If you have other firearms, you must surrender all of them also:

**Bị Đơn:** Quý vị phải giao nộp ngay lập tức tất cả các súng và bất kỳ giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín nào dưới đây. Nếu quý vị có các súng khác, quý vị phải giao nộp tất cả các súng đó cũng:


Attach additional sheet if there are more firearms to list.  
Kèm thêm giấy nếu có thêm các súng để liệt kê.

**Respondent:** This order will last until the date and time noted above. If you have not done so already, you must immediately surrender to the (name of local law enforcement agency)

all firearms in your custody, control, or possession and any concealed pistol licenses issued to you under RCW 9.41.070. You may not have in your custody or control, access, purchase, possess, receive, or attempt to purchase or receive, a firearm, or a concealed pistol license, while this order is in effect. You have the right to request one hearing to terminate this order in every 12-month period that this order is in effect, starting from the date of this order and continuing through any renewals. You may seek the advice of an attorney as to any matter connected with this order.

**Bị Đơn:** Lệnh này có hiệu lực cho đến ngày và giờ được ghi chú trên đây. Nếu quý vị đã không thực hiện, quý vị phải giao nộp ngay lập tức cho (tên cơ quan thực thi pháp luật địa phương)

tất cả các súng đang được quý vị quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu và bất kỳ giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín nào được ban hành cho quý vị dưới RCW 9.41.070. Quý vị có thể không được quyền quản lý hoặc kiểm soát, tiếp cận, sở hữu, mua, nhận hoặc cố mua hoặc nhận súng hoặc giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín, mặc dù lệnh này đang có hiệu lực. Quý vị có quyền yêu cầu một phiên xét xử để chấm dứt lệnh này trong thời hạn 12 tháng một lần mà lệnh này có hiệu lực, sẽ bắt đầu từ ngày có lệnh này và tiếp tục cho đến bất kỳ lần gia hạn nào. Quý vị có thể tìm kiếm dịch vụ tư vấn của luật sư về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến lệnh này.

**Respondent:**  
**Bị Đơn:**

1. **Firearms Surrender. You must immediately surrender all firearms by these deadlines:**  
**Giao Nộp Súng. Quý vị phải giao nộp ngay lập tức tất cả các súng trước hạn cuối sau đây:**
- A. Personally served:** If this order is served by a law enforcement officer, immediately surrender all firearm/s and any concealed pistol license/s to the serving officer.  
**Tổng đạt cá nhân:** Nếu lệnh này được một viên chức thực thi pháp luật tổng đạt, hãy giao nộp ngay lập tức tất cả các súng và bất kỳ giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín nào cho viên chức tổng đạt.
- B. Attended the hearing:** If you attended the hearing where the court issued this order, surrender the firearm/s and concealed pistol license/s to the law enforcement agency listed in this order on the same day as the hearing. Contact the law enforcement agency for directions on how to surrender the firearm/s. Do not bring weapons to the courthouse for surrender.  
**Tham dự phiên xét xử:** Nếu quý vị đã tham dự phiên xét xử nơi tòa án ban hành lệnh này, hãy giao nộp (các) súng và giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín cho cơ quan thực thi pháp luật được liệt kê trong lệnh này vào cùng ngày xét xử. Liên hệ với cơ quan thực thi pháp luật để được hướng dẫn cách giao nộp (các) súng. Không mang vũ khí đến tòa án để giao nộp.
- C. Alternative service:** If you are served by other means, you must surrender all firearm/s to the control of local law enforcement agency within 24 hours of being served.  
**Tổng đạt thay thế:** Nếu quý vị được tổng đạt bằng các phương tiện khác, quý vị phải giao nộp tất cả các súng cho cơ quan thực thi pháp luật địa phương kiểm soát trong vòng 24 giờ sau khi được tổng đạt.

**This Extreme Risk Protection Order is based upon the following:**  
**Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ này được dựa vào các mục sau đây:**

2. **Notice:** Respondent received notice of this hearing by  personal service  publication  mail.  
**Thông Báo:** Bị Đơn đã nhận được thông báo của phiên xét xử này bằng cách [-] tổng đạt cá nhân [-] công bố [-] thư.
3. **Hearing:** The court held a hearing before issuing this full protection order. These people attended:  
**Phiên Xét Xử:** Tòa án đã tiến hành phiên xét xử trước khi ban hành lệnh bảo vệ chính thức này. Những người này đã đến tham dự:
- |  |   |   |  |
|--|---|---|--|
| <input type="checkbox"/> Petitioner<br>Nguyên Đơn                      | <input type="checkbox"/> in person<br>[-] trực tiếp | <input type="checkbox"/> by phone<br>[-] qua điện thoại | <input type="checkbox"/> by video<br>[-] qua video |
| <input type="checkbox"/> Petitioner's Lawyer<br>Luật Sư của Nguyên Đơn | <input type="checkbox"/> in person<br>[-] trực tiếp | <input type="checkbox"/> by phone<br>[-] qua điện thoại | <input type="checkbox"/> by video<br>[-] qua video |
| <input type="checkbox"/> Respondent<br>Bị Đơn                          | <input type="checkbox"/> in person<br>[-] trực tiếp | <input type="checkbox"/> by phone<br>[-] qua điện thoại | <input type="checkbox"/> by video<br>[-] qua video |
| <input type="checkbox"/> Respondent's Lawyer<br>Luật Sư của Bị Đơn     | <input type="checkbox"/> in person<br>[-] trực tiếp | <input type="checkbox"/> by phone<br>[-] qua điện thoại | <input type="checkbox"/> by video<br>[-] qua video |
| <input type="checkbox"/> Other: _____<br>Khác:                         | <input type="checkbox"/> in person<br>[-] trực tiếp | <input type="checkbox"/> by phone<br>[-] qua điện thoại | <input type="checkbox"/> by video<br>[-] qua video |

4. **The Court finds:** By a preponderance of the evidence that the Respondent poses a significant danger of causing personal injury to self or to others in **the future** by having in Respondent's custody or control, purchasing, possessing, accessing, receiving, or attempting to purchase or receive a firearm; based upon **(check all that apply):**  
**Tòa An nhận thấy:** Do bằng chứng chiếm ưu thế rằng Bị Đơn có nguy cơ gây thương tích cá nhân đáng kể cho bản thân hoặc những người khác trong **tương lai** do Bị Đơn đang quản lý hoặc kiểm soát, mua, sở hữu, tiếp cận, nhận hoặc cố mua hoặc nhận súng; dựa trên **(đánh dấu tất cả mục thích hợp):**
- a.  Respondent has access to someone else's firearm/s.  
*Bị Đơn có quyền sử dụng súng của người khác.*
  - b.  Respondent owns a firearm/s or has expressed intent to obtain a firearm.  
*Bị Đơn sở hữu (các) súng hoặc bày tỏ ý định có được (các) súng.*
  - c.  Respondent has unlawfully or recklessly used, displayed, or brandished a firearm.  
*Bị Đơn đã sử dụng, phô bày hoặc khua súng một cách bất hợp pháp hoặc thiếu thận trọng.*
  - d.  Respondent recently acquired a firearm/s.  
*Bị Đơn gần đây đã có được (các) súng.*
  - e.  Respondent violated a civil or criminal protection order, no-contact order or restraining order.  
*Bị Đơn đã vi phạm lệnh bảo vệ dân sự hoặc hình sự, lệnh cấm tiếp xúc hoặc lệnh cấm.*
  - f.  Respondent was/is the subject of a previous or current extreme risk protection order.  
*Bị Đơn đã là/là đối tượng của lệnh bảo vệ rủi ro cực độ trước đó hoặc hiện tại.*
  - g.  Respondent violated a previous or current extreme risk protection order.  
*Bị Đơn đã vi phạm lệnh bảo vệ rủi ro cực độ trước đó hoặc hiện tại.*
  - h.  Respondent has been arrested for or convicted of a domestic violence crime as defined in RCW 10.99.020.  
*Bị Đơn đã bị bắt vì hoặc bị kết án về tội bạo hành gia đình như được định nghĩa trong RCW 10.99.020.*
  - i.  Respondent has been arrested for or convicted of a felony offense or violent crime.  
*Bị Đơn đã bị bắt vì hoặc bị kết án về trọng tội hoặc tội bạo hành.*
  - j.  Respondent has been convicted of a hate crime under RCW 9A.36.080.  
*Bị Đơn đã bị kết án về tội thù hận theo RCW 9A.36.080.*
  - k.  Respondent has recently committed or threatened violence against self or others, whether or not Respondent had a firearm.  
*Bị Đơn gần đây đã phạm tội hoặc đe dọa bạo hành đối với bản thân hoặc những người khác, cho dù Bị Đơn có súng hay không.*
  - l.  Respondent has shown, within the past 12 months, a pattern of acts or threats of violence, which can include violent acts against self or others.  
*Bị Đơn đã thể hiện, trong vòng 12 tháng qua, một kiểu hành vi hoặc đe dọa*

bạo hành, có thể bao gồm các hành vi bạo hành đối với bản thân hoặc những người khác.

- m.  Respondent has a history of use, attempted use, or threatened use of physical force against another person.  
*Bị Đơn có quá trình sử dụng, cố sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với một người khác.*
- n.  Respondent has a history of stalking another person.  
*Bị Đơn có quá trình theo dõi một người khác.*
- o.  Respondent's behaviors present an imminent threat of harm to self.  
*Hành vi của Bị Đơn thể hiện mối đe dọa sắp gây tổn hại cho bản thân.*
- p.  Respondent's behaviors present an imminent threat of harm to others.  
*Hành vi của Bị Đơn thể hiện mối đe dọa sắp gây tổn hại cho những người khác.*
- q.  There is corroborative evidence of Respondent's abuse of  alcohol or  controlled substances.  
*Có bằng chứng được chứng thực về việc Bị Đơn lạm dụng [-] rượu bia hoặc [-] hoặc chất bị kiểm soát.*
- r.  Other: \_\_\_\_\_  
*Khác:*

5. **Evaluation:** The court has considered whether it is appropriate to order a behavioral health evaluation of the Respondent. The court finds that conducting a behavioral health evaluation is  appropriate  not appropriate.  
**Đánh Giá:** Tòa án đã xem xét liệu việc ra lệnh đánh giá sức khỏe hành vi của Bị Đơn có phù hợp hay không. Tòa án nhận thấy rằng việc tiến hành đánh giá sức khỏe hành vi là [-] phù hợp [-] không phù hợp.

**Respondent:** You must have a behavioral health evaluation completed by a qualified evaluator within \_\_\_\_\_ days of this order. Proof of obtaining the evaluation must be filed with this court within \_\_\_\_\_ days of completion.  
**Bị Đơn:** Quý vị phải có quá trình đánh giá sức khỏe hành vi được một chuyên viên đánh giá đủ trình độ chuyên môn hoàn tất trong vòng \_\_\_\_\_ ngày của lệnh này. Bằng chứng về việc thu thập từ quá trình đánh giá phải được nộp cho tòa án này trong vòng \_\_\_\_\_ ngày kể từ khi hoàn tất.

While appropriate, the court is not ordering an evaluation for the following reason/s:  
*Mặc dù thích hợp, tòa án cũng không ra lệnh đánh giá vì (các) lý do sau đây:*

6. **Washington Crime Information Center (WACIC) and Other Data Entry**  
**Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Washington (WACIC) và Nhập Dữ Liệu Khác**

**Clerk's Action.** The court clerk shall forward a copy of this order immediately to the following law enforcement agency (*county or city*) \_\_\_\_\_

(*check only one*):  Sheriff's Office or  Police Department  
(*List the same agency that entered the temporary order, if any*)

**Việc Lọc SỰ LÀM.** Lọc sự tòa án sẽ chuyển tiếp bản sao lệnh này ngay lập tức đến cơ quan thực thi pháp luật sau đây (*quận hoặc thành phố*)

(đánh dấu chỉ một mục): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát  
(Liệt kê cùng cơ quan đã ban hành lệnh tạm thời, nếu có)

This agency shall enter this order into WACIC and National Crime Info. Center (NCIC).  
Cơ quan này sẽ nhập lệnh này vào WACIC và Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Quốc Gia (NCIC).

**7. Service on the Restrained Person**  
**Tổng đạt cho Người Bị Ngăn Cấm**

**Required.** The restrained person must be served with a copy of this order.  
**Bắt buộc.** Người bị ngăn cấm phải được tổng đạt một bản sao lệnh này.

The **law enforcement agency** where the restrained person lives or can be served shall serve the restrained person with a copy of this order and shall promptly complete and return proof of service to this court.  
**Cơ quan thực thi pháp luật** nơi người bị ngăn cấm sống hoặc có thể được tổng đạt sẽ tổng đạt cho người bị ngăn cấm một bản sao lệnh này và phải nhanh chóng hoàn tất và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

Law enforcement agency: (county or city) \_\_\_\_\_  
(check only one):  Sheriff's Office or  Police Department  
Cơ quan thực thi pháp luật: (quận hoặc thành phố)  
(đánh dấu chỉ một mục): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát

The **petitioner** shall make private arrangements for service and have proof of service returned to this court. (*This is only an option if surrender of weapons is already completed and verified by the court.*)  
**Nguyên đơn** sẽ sắp xếp việc tổng đạt riêng và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này. (Đây chỉ là một tùy chọn nếu việc giao nộp vũ khí đã được hoàn tất và được tòa án xác minh.)

**Clerk's Action.** The court clerk shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to the agency and/or party checked above. The court clerk shall also provide a copy of the order to the protected person.

**Việc Lục Sự Làm.** Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp một bản sao lệnh này vào hoặc trước ngày xét xử tiếp theo cho cơ quan và/hoặc đương sự được đánh dấu trên đây. Lục sự tòa án cũng phải cung cấp một bản sao lệnh này cho người được bảo vệ.

**Alternative Service Allowed.** The court authorizes alternative service by separate order (specify): \_\_\_\_\_  
**Cho Phép Tổng Đạt Thay Thế.** Tòa án cho phép tổng đạt thay thế bằng lệnh riêng (nếu rõ):

**Not required.** The restrained person appeared at the hearing, in person or remotely, and received notice of the order. No further service is required. See section 3 above for appearances. (*May apply even if the restrained person left before a final ruling is issued or signed.*)

**Không bắt buộc.** Người bị ngăn cấm hiện diện tại phiên xét xử, trực tiếp hoặc từ xa, và nhận được thông báo về lệnh. Không cần phải tổng đạt thêm. Xem mục 3 trên đây về việc hiện diện. (Có thể áp dụng cho dù người bị ngăn cấm rời đi trước khi phán quyết cuối cùng được ban hành hoặc ký.)

**8. Service on Others**  
**Tổng Đạt Cho Những Người Khác**

Service on the adult's guardian/conservator (*name/s*) \_\_\_\_\_ is:  
Tổng đạt cho người giám hộ/người bảo vệ của người lớn ((các) tên) \_\_\_\_\_ là:

**Required.**  
**Bắt buộc.**

The **law enforcement agency** where the person to be served lives or can be served shall serve a copy of this order and shall promptly complete and return proof of service to this court.

**Cơ quan thực thi pháp luật** nơi người sẽ được tổng đạt sống hoặc có thể được tổng đạt sẽ tổng đạt một bản sao lệnh này và phải nhanh chóng hoàn tất và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

Law enforcement agency: (*county or city*) \_\_\_\_\_  
(*check only one*):  Sheriff's Office or  Police Department  
**Cơ quan thực thi pháp luật:** (*quận hoặc thành phố*)  
(*đánh dấu chỉ một mục*): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát

The **petitioner** shall make private arrangements for service and have proof of service returned to this court.

**Nguyên đơn** sẽ sắp xếp việc tổng đạt riêng và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

**Clerk's Action.** The court clerk shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to the agency and/or party checked above.

**Việc Lục Sự Làm.** Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp một bản sao lệnh này vào hoặc trước ngày xét xử tiếp theo cho cơ quan và/hoặc đương sự được đánh dấu trên đây.

**Not required.** They appeared at the hearing where this order was issued and received a copy.

**Không bắt buộc.** Họ hiện diện tại phiên xét xử nơi lệnh này đã được ban hành và nhận được một bản sao.

## 9. **DOL Notification** **Thông Báo DOL**

The issuing court shall, within 3 judicial days after this order issued, forward a copy of the Respondent's driver's license, identicaid, or comparable information along with the date of issuance to DOL. If respondent has a concealed pistol license, DOL must immediately notify a law enforcement agency that the court has directed the revocation of the license.

Tòa án ban hành sẽ, trong vòng 3 ngày xét xử sau khi lệnh này được ban hành, chuyển tiếp một bản sao giấy phép lái xe, thẻ nhận dạng hoặc thông tin tương đương của Bị Đơn cùng với ngày cấp cho DOL. Nếu bị đơn có giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín, DOL phải thông báo ngay lập tức cho cơ quan thực thi pháp luật rằng tòa án đã chỉ đạo việc thu hồi giấy phép.

## 10. **Compliance Hearing** **Phiên Xét Xử Việc Tuân Thủ**

No Compliance Hearing Scheduled. The court finds that respondent has timely and completely surrendered all firearms in the respondent's custody, control, or

possession and any concealed pistol license to a law enforcement agency and is in compliance with this order pursuant to RCW 7.105.340(6).

*Không Có Phiên Xét Xử Việc Tuân Thủ Nào Được Sắp Xếp. Tòa án nhận thấy rằng bị đơn đã giao nộp kịp thời và hoàn toàn tất cả các súng do bị đơn quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu và bất kỳ giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín nào cho cơ quan thực thi pháp luật và tuân thủ lệnh này căn cứ theo RCW 7.105.340(6).*




- [ ] **Respondent: You must attend the hearing listed on page 1 of this order** and show the court that you surrendered your firearm/s and concealed pistol license/s.  
**Bị Đơn: Quý vị phải tham dự phiên xét xử được liệt kê ở trang 1 của lệnh này** và chứng minh cho tòa án thấy rằng quý vị đã giao nộp (các) súng và (các) giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín của quý vị.

Voluntarily surrendering firearms or providing testimony regarding the surrender of firearms pursuant to an *Extreme Risk Protection Order* may not be used against you in any criminal prosecution under chapters 7.105, 9.41, or 9A.56.310 RCW.




*Việc tự nguyện giao nộp súng hoặc cung cấp lời khai về việc giao nộp súng căn cứ theo Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ có thể không được sử dụng để chống lại quý vị trong bất kỳ vụ truy tố hình sự nào theo chương 7.105, 9.41 hoặc 9A.56.310 RCW.*

**How to attend the hearing on page 1**  
**Cách thức tham dự phiên xét xử ở trang 1**

The hearing scheduled on page 1 will be held:  
*Phiên xét xử theo lịch trình ở trang 1 sẽ được tiến hành:*

	<b>In person</b> <b>Trực Tiếp</b>  Judge/Commissioner: _____ Courtroom: _____ <i>Thẩm Phán/Ủy Viên: Phòng Xử Án:</i>  Address: _____ <i>Địa Chỉ:</i>
	<b>Online (audio and video)</b> App: _____ <b>Trực Tuyến (âm thanh và video)</b> Ứng Dụng:  [ ] Log-in: _____ <i>Đăng nhập:</i>  [ ] You must get permission from the court at least 3 court days before your hearing to participate online (audio and video). To make this request, contact: <i>Quý vị phải xin phép tòa án ít nhất 3 ngày trước phiên xét xử của mình để tham gia trực tuyến (âm thanh và video). Để thực hiện yêu cầu này, hãy liên hệ:</i> _____
	<b>By Phone (audio only)</b> [ ] Call-in number _____ <b>Qua Điện Thoại (chỉ âm thanh)</b> [-] Số gọi đến: _____



	<p>[ ] You must get permission from the court at least 3 court days before your hearing to participate by phone only (without video). To make this request, contact:</p> <p>_____</p> <p><i>Quý vị phải xin phép tòa án ít nhất 3 ngày trước phiên xét xử của mình chỉ để tham gia qua điện thoại (không có video). Để thực hiện yêu cầu này, hãy liên hệ:</i></p> <p>_____</p>	
	<p><b>If you have trouble connecting online or by phone</b> (instructions, who to contact) _____</p> <p><b>Nếu quý vị gặp khó khăn khi kết nối trực tuyến hoặc qua điện thoại</b> (hướng dẫn, liên hệ với ai)</p> <p>_____</p>	
	<p><b>Ask for an interpreter, if needed.</b> Contact: _____</p> <p><b>Yêu cầu một phiên dịch viên, nếu cần. Liên hệ:</b></p> <p>_____</p>	 <p><b>Ask for disability accommodation, if needed.</b> Contact: _____</p> <p><b>Yêu cầu chỗ ở dành cho người khuyết tật, nếu cần. Liên hệ:</b></p> <p>_____</p>
<p>Ask for an interpreter or accommodation as soon as you can. Do not wait until the hearing!  <i>Yêu cầu một phiên dịch viên hoặc chỗ ở ngay khi có thể. Đừng đợi đến phiên xét xử!</i></p>		

Dated: \_\_\_\_\_ at \_\_\_\_\_ a.m./p.m. \_\_\_\_\_  
 Ngày: \_\_\_\_\_ lúc \_\_\_\_\_ a.m./p.m. **Judge/Commissioner**  
**Thẩm Phán/Ủy Viên**

\_\_\_\_\_  
 Print Judge/Commissioner Name  
*Viết In Tên Của Thẩm Phán/Ủy Viên*

I acknowledge receipt of a copy of this order.  
*Tôi thừa nhận việc nhận được bản sao lệnh này:*

\_\_\_\_\_  
 Signature of Respondent  
*Chữ Ký của Bị Đơn*

\_\_\_\_\_  
 Print Name  
*Tên Viết In*

\_\_\_\_\_  
 Signature of Respondent's Attorney WSBA No.  
*Chữ Ký của Luật Sư Bị Đơn WSBA Số*

\_\_\_\_\_  
 Print Name  
*Tên Viết In*

\_\_\_\_\_  
 Signature of Petitioner/Attorney WSBA No.  
*Chữ Ký của Nguyên Đơn/Luật Sư WSBA Số*

\_\_\_\_\_  
 Print Name and Badge No., if applicable  
*Tên Viết In và Thẻ Số, nếu có*

**The Petitioner or Petitioner's lawyer must complete the Confidential and Law Enforcement Information – Extreme Risk Protection Order form, XR 105.**

**Nguyên Đơn hoặc luật sư của Nguyên Đơn phải hoàn tất mẫu đơn Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật và Thông Tin Mật – Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ, XR 105.**

**NOTICES:**

**THÔNG BÁO:**

**To Petitioner:** You may file a motion to ask the court to renew this 1-year order. You may begin that process no sooner than 90 days prior to the date this order expires (see page 1).

**Gửi đến Nguyên Đơn:** Quý vị có thể nộp kiến nghị yêu cầu tòa án gia hạn lệnh có hiệu lực 1 năm này. Quý vị có thể bắt đầu quá trình đó không sớm hơn 90 ngày trước ngày lệnh này hết hạn (xem trang 1).

**To Respondent:** You may file a motion requesting the court to terminate this 1-year order. You may make this request only once during the 1-year period of this order.

**Gửi đến Bị Đơn:** Quý vị có thể nộp kiến nghị yêu cầu tòa án chấm dứt lệnh có hiệu lực 1 năm này. Quý vị chỉ có thể đưa ra yêu cầu này một lần trong khoảng thời gian 1 năm của lệnh này.

**To both parties:** The court will consider any motion to terminate or renew this order only upon the filing of a written motion, the scheduling of a hearing, and notice to the other party.

**Gửi đến cả hai đương sự:** Tòa án sẽ chỉ xem xét bất kỳ kiến nghị nào nhằm chấm dứt hoặc gia hạn lệnh này sau khi nộp kiến nghị bằng văn bản, sắp xếp một phiên xét xử và thông báo cho đương sự còn lại.

**Respondent: Read more information about surrender of weapons.**

**Bị Đơn: Đọc thêm thông tin về việc giao nộp vũ khí.**

**Receipt:** The law enforcement officer who receives your firearms will prepare a receipt with a list of the firearms and any concealed pistol license/s. The law enforcement officer must file the receipt with the court within 72 hours. The officer will give you a copy of the receipt to keep for your records.

**Biên Nhận:** Viên chức thực thi pháp luật nhận súng của quý vị sẽ chuẩn bị biên nhận có danh sách súng và bất kỳ giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín nào. Viên chức thực thi pháp luật phải nộp biên nhận cho tòa án trong vòng 72 giờ. Viên chức sẽ cung cấp cho quý vị một bản sao biên nhận để lưu hồ sơ của quý vị.

**If someone else owns the firearms:** If the law enforcement agency determines someone else is the lawful owner of the firearm/s, the agency will return the firearm to the lawful owner, if:

**Nếu người khác có súng:** Nếu cơ quan thực thi pháp luật xác định người khác là chủ sở hữu hợp pháp của (các) súng, cơ quan này sẽ trả lại súng cho chủ sở hữu hợp pháp, nếu:

- the firearm is removed from the Respondent's custody, control, and possession; súng được đưa ra khỏi sự quản lý, kiểm soát và sở hữu của Bị Đơn;
- the lawful owner provides written verification to the court regarding how they will safely store the firearm in a way that Respondent does not have access and control of the firearm; chủ sở hữu hợp pháp cung cấp văn bản xác minh cho tòa án về cách thức họ sẽ cất giữ súng an toàn theo phương cách mà Bị Đơn không có quyền tiếp cận và kiểm soát súng;

- the court advises the lawful owner of the penalty for failure to do so; and  
*tòa án thông báo cho chủ sở hữu hợp pháp hình phạt nếu không thực hiện; và*
- the owner is lawfully authorized to possess the firearm.  
*chủ sở hữu được cho phép hợp pháp để sở hữu súng.*